

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày 15 tháng 7 năm 2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Pháp và bà Nguyễn Thị Ngọc Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 tham gia phiên tòa:**
Không.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2025/TLST- DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc “ Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Thùy T**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ C, Ấp T, xã Ó, tỉnh An Giang.

Bị đơn:

- Ông **Nguyễn Trí P (Út P1)**, sinh năm 1982;

- Bà **Lê Thị Thúy K**, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Tổ C, Ấp T, xã Ó, tỉnh An Giang.

(Bà T, ông P1, bà K có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thùy T trình bày:**

Bà là hội viên có tham gia 02 dây hội do vợ chồng ông P1, bà K làm chủ hội, cụ thể:

Dây hội thứ 1: Khai ngày 10 tháng 01 năm 2022 âm lịch, tiền góp hội 3.000.000 đồng/kỳ, gồm có 35 phần, bà tham gia một phần. Dây hội này bà đã đóng được 31 kỳ (mỗi kỳ là 2.000.000 đồng hội sống) đến kỳ hội thứ 32 bà chuyển tiền góp hội thì bà K chuyển trả lại và nói là bể hội rồi nên không nhận tiền nữa. Tính đến ngày 10 tháng 6 năm 2024 âm lịch bà đã đóng tiền hội sống là 62.000.000 đồng và chưa hốt lần nào. Đến nay, bà K và ông P1 cũng không trả lại tiền hội đã đóng cho bà.

Dây hội thứ 2: Khai ngày 15 tháng 8 năm 2022 âm lịch, tiền góp hội 3.000.000 đồng/kỳ, gồm có 31 phần, bà tham gia một phần. Dây hội này bà đã đóng được 24 kỳ (mỗi kỳ là 2.000.000 đồng hội sống), đến kỳ hội thứ 25 (ngày 10 tháng 6 năm 2024 âm lịch) bà chuyển tiền góp hội thì bà K chuyển trả lại và nói là bể hội rồi nên không nhận tiền nữa. Tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2024 âm lịch bà đã đóng tiền hội sống là 48.000.000 đồng và chưa hốt lần nào. Đến nay, bà K và ông P1 cũng không trả lại tiền hội cho bà.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà K, ông P1 trả số tiền hội bà đã đóng đối với 02 dây hội trên là 110.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 15-6-2024 âm lịch đến ngày Tòa án xét xử vụ án là ngày 15-7-2025 (nhằm ngày 23-6-2025 âm lịch), bà yêu cầu làm tròn số tiền lãi là 01 năm.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Thúy K trình bày:***

Quá trình góp hội của bà T đối với hai dây hội ngày 10 tháng 01 năm 2022 âm lịch và ngày 15 tháng 8 năm 2022 âm lịch là đúng như bà T đã trình bày. Các dây hội này nếu hội sống là 2.000.000 đồng/kỳ, hội chết là 3.000.000 đồng/kỳ. Cụ thể như sau:

Dây hội thứ 1: Khai ngày 10 tháng 01 năm 2022 âm lịch, tiền hội bà T đã góp là: 2.000.000 đồng/kỳ x 31 kỳ = 62.000.000 đồng. Kỳ cuối cùng bà T đóng là ngày 10 tháng 6 năm 2024 âm lịch.

- Dây hội thứ 2: Khai ngày 15 tháng 8 năm 2022 âm lịch, tiền hội bà T đã góp là: 2.000.000 đồng/kỳ x 24 kỳ = 48.000.000 đồng. Kỳ cuối cùng bà T đóng là ngày 15 tháng 6 năm 2024 âm lịch.

Nay bà đồng ý trả số tiền hụi còn nợ bà T tổng cộng là 110.000.000 đồng. Do hoàn cảnh của bà khó khăn nên bà xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, trả đến khi hết số tiền nợ hụi trên cho bà T và xin không trả tiền lãi cho bà T.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Trí P trình bày:***

Ông là chồng của bà Lê Thị Thúy K, việc bà K chơi hụi thì ông có biết, nhưng cụ thể như thế nào thì ông không biết. Tuy nhiên, do là vợ chồng nên ông đồng ý cùng bà K liên đới trả nợ hụi cho bà T với số tiền tổng cộng là 110.000.000 đồng, nhưng xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng và xin không trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền hụi còn nợ. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Ó, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hụi và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà T khởi kiện yêu cầu ông P, bà K liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 110.000.000 đồng; ông P, bà K thừa nhận còn nợ bà T số tiền hụi là 110.000.000 đồng, nhưng hiện nay do điều kiện kinh tế của ông, bà rất khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên và xin không trả lãi. Yêu cầu xin được trả dần này của ông P, bà K không được bà T đồng ý và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thùy T và bị đơn ông Nguyễn Trí P, bà Lê Thị Thúy K đã thống nhất được với nhau về số tiền hụi còn nợ là 110.000.000 đồng nhưng chưa thống nhất được với nhau về phương thức, thời gian trả. Sau khi vỡ hụi, bà T nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay ông P, bà K vẫn không trả số tiền hụi còn nợ cho bà T; nay ông P, bà K tiếp tục xin trả dần số nợ trên là kéo dài thời gian trả nợ; điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp

pháp của bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông P, bà K liên đới trả số tiền hội còn nợ 110.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự và Điều 15 và Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biên, phường; Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất: Bà T yêu cầu ông P, bà K trả lãi suất 10%/năm đối với 02 dây hội sống (chưa tính lãi) còn nợ tính từ ngày 15-6-2024 âm lịch đến ngày 15-7-2025 (nhằm ngày 21-6-2025 âm lịch), làm tròn là 01 năm tương đương số tiền lãi là $110.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} = 11.000.000 \text{ đồng}$. Xét thấy, theo thỏa thuận của chủ hội và hội viên trong 02 dây hội trên là trường hợp tổ chức hội có thỏa thuận lãi. Do đó, yêu cầu tính lãi của bà T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên ông P, bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 471, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 15 và Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biên, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thùy T.

1. Buộc ông Nguyễn Trí P và bà Lê Thị Thúy K liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Thùy T số tiền 121.000.000 (*Một trăm hai mươi một triệu*) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà T có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền ông P, bà K phải trả cho bà T) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền; hàng tháng ông P, bà K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Trí P và bà Lê Thị Thúy K liên đới chịu số tiền 6.050.000 (*Sáu triệu không trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho bà Huỳnh Thị Thùy T số tiền 4.125.000 (*Bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021751 ngày 07-3-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

3. Quyền kháng cáo: Bà T, ông P, bà K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 10 – An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Bé Thi